UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG **SỞ XÂY DỰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:13173 /SXD-QLN V/v thông báo nhà ở xã hội có sẵn đủ điều kiện được cho thuê tại Chung cư CT2 thuộc Dự án Khu nhà ở xã hội 384 Lê Thánh Tông	*Hải Phòng, ngày 30 tháng 10 năm 2026*

Kính gửi: Công ty Cổ phần Hóa chất vật liệu điện Bình Phát.
Địa chỉ : Số 384 Lê Thánh Tông, phường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

Theo đề nghị của Công ty Cổ phần Hóa chất vật liệu điện Bình Phát tại Văn bản số 2210/VB-BP ngày 22/10/2026 về việc thông báo về 259 căn hộ chung cư (nhà ở xã hội) cho thuê đủ điều kiện đưa vào kinh doanh tại dự án Chung cư CT2 thuộc Dự án Khu nhà ở xã hội 384 Lê Thánh Tông. Sau khi xem xét hồ sơ, tài liệu gửi kèm, Sở Xây dựng có ý kiến như sau:

I. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN

1. Tên dự án: Dự án Khu nhà ở xã hội 384 Lê Thánh Tông.

2. Địa điểm thực hiện dự án: Số 384 Lê Thánh Tông, phường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

3. Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Hóa chất vật liệu điện Bình Phát.

4. Quy mô: Diện tích đất 1,9 ha; 03 toà chung cư 29 tầng với 1.294 căn hộ (1035 căn chung cư để bán và 259 căn chung cư cho thuê).

II. PHÁP LÝ CỦA DỰ ÁN

1. Hồ sơ về đầu tư, quy hoạch, đất đai của Dự án.

- Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần – Mã số doanh nghiệp 0202049382 (đăng ký lần đầu ngày 06/10/2020; đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 11/11/2022).
- Quyết định số 2988/QĐ-UBND ngày 14/9/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư thực hiện Dự án Khu nhà ở xã hội 384 Lê Thánh Tông.
- Quyết định số 3270/QĐ-UBND ngày 23/11/2022 của Ủy ban nhân dân quận Ngô Quyền về việc phê duyệt Đồ án Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Dự án Khu nhà ở xã hội 384 Lê Thánh Tông.
- Quyết định số 591/QĐ-UBND ngày 07/3/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Khu nhà ở xã hội 384 Lê Thánh Tông do Công ty cổ phần Hóa chất vật liệu điện Bình Phát làm Chủ đầu tư tại phường Vạn Mỹ, quận Ngô Quyền.

- Quyết định số 18/QĐ-BP ngày 14/3/2023 của Công ty cổ phần Hóa chất vật liệu điện Bình Phát về việc phê duyệt Dự án Khu nhà ở xã hội 384 Lê Thánh Tông.

- Văn bản số 54/HĐXD-QLKT ngày 10/3/2023 của Cục Quản lý hoạt động xây dựng - Bộ Xây dựng về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi ĐTXD dự án Khu nhà ở xã hội 384 Lê Thánh Tông tại phường Vạn Mỹ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

- Quyết định số 19/QĐ-BP ngày 29/3/2023 của Công ty cổ phần Hóa chất vật liệu điện Bình Phát về việc phê duyệt thiết kế Bản vẽ thi công Dự án Khu nhà ở xã hội 384 Lê Thánh Tông.

- Giấy chứng nhận số 95/TD-PCCC ngày 30/3/2023 của Phòng Cảnh sát PCCC & CNCH - Công an thành phố Hải Phòng.

- Giấy phép xây dựng số 14/GPXD ngày 06/4/2023 của Sở Xây dựng cấp phép xây dựng công trình thuộc dự án: đầu tư xây dựng Khu nhà ở xã hội 384 Lê Thánh Tông tại số 384 Lê Thánh Tông, phường Vạn Mỹ, quận Ngô Quyền.

- Hồ sơ thiết kế cơ sở; Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Quyết định số 544/QĐ-UBND ngày 02/3/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc cho phép Công ty cổ phần Hóa chất vật liệu điện Bình Phát chuyển mục đích sử dụng đất tại số 384 Lê Thánh Tông, phường Vạn Mỹ, quận Ngô Quyền để thực hiện Dự án Khu nhà ở xã hội 384 Lê Thánh Tông.

- Trích lục địa chính số 22/2023-TL ngày 10/02/2023 của Trung tâm Kỹ thuật - Dữ liệu, Thông tin Tài nguyên - Môi trường thuộc Sở tài nguyên và Môi trường.

- Biên bản bàn giao đất ngày 14/3/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện Quyết định số 544/QĐ-UBND ngày 02/3/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc cho phép Công ty cổ phần Hóa chất vật liệu điện Bình Phát chuyển mục đích sử dụng đất tại số 384 Lê Thánh Tông, phường Vạn Mỹ, quận Ngô Quyền để thực hiện Dự án Khu nhà ở xã hội 384 Lê Thánh Tông.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CX 432377 do Sở tài nguyên môi trường cấp ngày 18 tháng 01 năm 2021.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DP 856940 do Sở tài nguyên môi trường cấp ngày 23 tháng 7 năm 2024 (phần đất xây dựng Chung cư CT2).

2. Hồ sơ liên quan đến công trình nhà ở xã hội để cho thuê.

- Giấy phép xây dựng số 14/GPXD ngày 06/4/2023 của Sở Xây dựng cấp phép xây dựng công trình thuộc dự án: đầu tư xây dựng Khu nhà ở xã hội 384 Lê Thánh Tông tại số 384 Lê Thánh Tông, phường Vạn Mỹ, quận Ngô Quyền.

- Thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng của Cục giám định nhà nước về chất lượng công trình xây dựng số : 99/GĐ – QLCL/HT ngày 02 tháng 10 năm 2026.

- Công cổ phần hóa chất vật liệu điện Bình Phát Nghiệm thu phòng cháy chữa cháy số : 300726/NTHT-PCCC, Hải Phòng ngày 30 tháng 07 năm 2026.

- Biên bản nghiệm thu hòa thành công trình đưa vào sử dụng các hạng mục: Giao thông, san nền, cấp nước và kiến trúc ngoài nhà ngày 12/10/2026 và bản vẽ hoàn công; Hệ thống điện và bản vẽ hoàn công; thi công xây dựng phần thoát nước ngoài nhà, bể nước, bể xử lý nước thải.

III. THÔNG TIN VỀ NHÀ Ở XÃ HỘI CÓ SẴN ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐƯỢC CHO THUÊ

259 căn hộ nhà ở xã hội tại tòa CT2 thuộc dự án Dự án Khu nhà ở xã hội 384 Lê Thánh Tông phù hợp với điều kiện để cho thuê quy định tại khoản 4 Điều 88 của Luật Nhà ở *(Có danh sách chi tiết kèm theo)*.

IV. ĐIỀU KIỆN CỦA NHÀ Ở XÃ HỘI CÓ SẴN TẠI DỰ ÁN ĐÃ ĐÁP ỨNG ĐỂ ĐƯỢC CHO THUÊ

Tại Văn bản số 2210/VB-BP ngày 22/10/2026 của chủ đầu tư đã báo cáo và cung cấp thông tin, hồ sơ tài liệu theo quy định tại khoản 4 Điều 88 của Luật Nhà ở:

- Khu vực nhà ở để cho thuê đã hoàn thành việc đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật và các công trình hạ tầng xã hội theo quy hoạch chi tiết xây dựng, hồ sơ thiết kế và tiến độ của dự án đã được phê duyệt:

+ Thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng của Cục giám định nhà nước về chất lượng công trình xây dựng số : 99/GĐ – QLCL/HT ngày 02 tháng 10 năm 2026.

+ Công cổ phần hóa chất vật liệu điện Bình Phát Nghiệm thu phòng cháy chữa cháy số : 300726/NTHT-PCCC, Hải Phòng ngày 30 tháng 07 năm 2026.

+ Biên bản nghiệm thu hòa thành công trình đưa vào sử dụng các hạng mục: Giao thông, san nền, cấp nước và kiến trúc ngoài nhà ngày 12/10/2026 và bản vẽ hoàn công; Hệ thống điện và bản vẽ hoàn công; thi công xây dựng phần thoát nước ngoài nhà, bể nước, bể xử lý nước thải.

- Tại Văn bản số 2610/VB-BP ngày 26/10/2026, Chủ đầu tư cam kết:

+ Không cầm cố thế chấp nhà ở tại bất kỳ tổ chức cá nhân nào khác.

+ Nhà ở không thuộc trường hợp đang có tranh chấp, khiếu nại, khiếu kiện về quyền sở hữu theo quy định của pháp luật về giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo.

- Công trình CT2 thuộc Dự án nhà ở xã hội 384 Lê Thánh Tông, Phường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng được Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất số DP 856940 ngày 23/07/2024, thời hạn sử dụng đến ngày 02/3/2038.

Trên cơ sở hồ sơ do chủ đầu tư cung cấp và các nội dung nêu trên, Sở Xây dựng thông báo 259 căn hộ chung cư (nhà ở xã hội) tại tòa CT2 thuộc Dự án Khu nhà ở xã hội 384 Lê Thánh Tông phù hợp với điều kiện để cho thuê quy định tại khoản 4 Điều 88 của Luật Nhà ở.

V. TRÁCH NHIỆM, YÊU CẦU ĐỐI VỚI CHỦ ĐẦU TƯ

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực, hợp pháp của các thông tin, hồ sơ, tài liệu đã cung cấp và các nội dung cam kết tại các văn bản: số 2210/VB-BP ngày 22/10/2026, số 2610/VB-BP ngày 26/10/2026; bảo đảm nhà ở đáp ứng đủ điều kiện được cho thuê theo khoản 4 Điều 88 Luật Nhà ở năm 2023 và các quy định pháp luật liên quan trong suốt quá trình cho thuê.

2. Thực hiện việc cho thuê nhà ở xã hội đúng đối tượng, điều kiện, trình tự, thủ tục, giá thuê và các quy định về quản lý, sử dụng nhà ở xã hội theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Thực hiện đóng kinh phí bảo trì phần sở hữu chung nhà chung cư đối với các căn hộ Chủ đầu tư giữ lại để cho thuê, quản lý, sử dụng kinh phí bảo trì, tổ chức quản lý vận hành nhà chung cư theo quy định của pháp luật về nhà ở và các quy định pháp luật liên quan.

VI. ĐỀ NGHỊ CỦA SỞ XÂY DỰNG HẢI PHÒNG

1. Chủ đầu tư thực hiện các quy định của Luật Nhà ở năm 2023, Luật Kinh doanh bất động sản năm 2023, Luật Đất đai năm 2024, Luật Xây dựng năm 2025, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

2. Sở Xây dựng chỉ xem xét các nội dung, thành phần hồ sơ so với quy định tại khoản 4 Điều 88 Luật Nhà ở năm 2023; không xem xét và không chịu trách nhiệm về trình tự, thủ tục, nội dung, thẩm quyền quyết định theo quy định của pháp luật về đầu tư (bao gồm tiến độ thực hiện Dự án), đất đai, xây dựng, bảo vệ môi trường, phòng cháy và chữa cháy. Văn bản này không thay thế các thủ tục khác mà Chủ đầu tư phải thực hiện theo quy định.

3. Trong quá trình thực hiện, trường hợp phát hiện thông tin, hồ sơ do Chủ đầu tư cung cấp không đúng sự thật hoặc nhà ở không còn đáp ứng điều kiện được cho thuê, Sở Xây dựng sẽ xem xét, xử lý theo quy định và báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố.

Sở Xây dựng thông báo để Công ty Cổ phần Hóa chất vật liệu điện Bình Phát được biết và thực hiện theo quy định./.

Nơi nhận:
- Như kính gửi;
- UBND thành phố (để b/c);
- UBND phường Ngô Quyền;
- Chi nhánh NHCSXH thành phố Hải Phòng;
- Giám đốc Sở (để b/c);
- Văn phòng Sở (đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Sở Xây dựng);
- Lưu: VT, P.QLN&TTBĐS.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HOÀ X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ XÂY DỰNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Nguyễn Hoài Long

PHỤ LỤC: DANH SÁCH 259 CĂN HỘ ĐỂ CHO THUÊ TẠI TOÀ CT2 THUỘC DỰ ÁN KHU NHÀ Ở XÃ HỘI 384 LÊ THÁNH TÔNG

(Kèm theo Văn bản số: /SXD-QLN ngày / 10/2026 của Sở Xây Dựng)

STT	Tòa	Tầng	Căn hộ	Mã căn hộ	Diện tích thông thủy tạm tính (m^2)
1	CT2	5	S-01	S-0501	69,24
2	CT2	5	S-02	S-0502	69,99
3	CT2	5	S-03	S-0503	69,99
4	CT2	5	S-04	S-0504	69,83
5	CT2	5	S-05	S-0505	69,39
6	CT2	5	S-06	S-0506	69,83
7	CT2	5	S-14	S-0514	69,24
8	CT2	5	S-15	S-0515	69,24
9	CT2	5	S-16	S-0516	69,83
10	CT2	5	S-17	S-0517	69,83
11	CT2	5	S-18	S-0518	69,24
12	CT2	6	S-01	S-0601	69,24
13	CT2	6	S-02	S-0602	69,99
14	CT2	6	S-03	S-0603	69,99
15	CT2	6	S-04	S-0604	69,83
16	CT2	6	S-05	S-0605	69,39
17	CT2	6	S-06	S-0606	69,83
18	CT2	6	S-13	S-0613	69,99
19	CT2	6	S-14	S-0614	69,24
20	CT2	6	S-15	S-0615	69,24
21	CT2	6	S-16	S-0616	69,83
22	CT2	6	S-17	S-0617	69,83
23	CT2	6	S-18	S-0618	69,24
24	CT2	7	S-01	S-0701	69,24
25	CT2	7	S-02	S-0702	69,99
26	CT2	7	S-03	S-0703	69,99
27	CT2	7	S-04	S-0704	69,83
28	CT2	7	S-05	S-0705	69,39
29	CT2	7	S-06	S-0706	69,83
30	CT2	7	S-13	S-0713	69,99
31	CT2	7	S-14	S-0714	69,24
32	CT2	7	S-15	S-0715	69,24
33	CT2	7	S-16	S-0716	69,83
34	CT2	7	S-17	S-0717	69,83
35	CT2	7	S-18	S-0718	69,24
36	CT2	8	S-01	S-0801	69,24
37	CT2	8	S-02	S-0802	69,99
38	CT2	8	S-03	S-0803	69,99

STT	Tòa	Tầng	Căn hộ	Mã căn hộ	Diện tích thông thủy tạm tính (m^2)
39	CT2	8	S-04	S-0804	69,83
40	CT2	8	S-05	S-0805	69,39
41	CT2	8	S-06	S-0806	69,83
42	CT2	8	S-14	S-0814	69,24
43	CT2	8	S-15	S-0815	69,24
44	CT2	8	S-16	S-0816	69,83
45	CT2	8	S-17	S-0817	69,83
46	CT2	8	S-18	S-0818	69,24
47	CT2	9	S-01	S-0901	69,24
48	CT2	9	S-02	S-0902	69,99
49	CT2	9	S-03	S-0903	69,99
50	CT2	9	S-04	S-0904	69,83
51	CT2	9	S-05	S-0905	69,39
52	CT2	9	S-06	S-0906	69,83
53	CT2	9	S-13	S-0913	69,99
54	CT2	9	S-14	S-0914	69,24
55	CT2	9	S-15	S-0915	69,24
56	CT2	9	S-16	S-0916	69,83
57	CT2	9	S-17	S-0917	69,83
58	CT2	9	S-18	S-0918	69,24
59	CT2	10	S-01	S-1001	69,24
60	CT2	10	S-02	S-1002	69,99
61	CT2	10	S-03	S-1003	69,99
62	CT2	10	S-04	S-1004	69,83
63	CT2	10	S-05	S-1005	69,39
64	CT2	10	S-06	S-1006	69,83
65	CT2	10	S-13	S-1013	69,99
66	CT2	10	S-14	S-1014	69,24
67	CT2	10	S-15	S-1015	69,24
68	CT2	10	S-16	S-1016	69,83
69	CT2	10	S-17	S-1017	69,83
70	CT2	10	S-18	S-1018	69,24
71	CT2	11	S-01	S-1101	69,24
72	CT2	11	S-02	S-1102	69,99
73	CT2	11	S-03	S-1103	69,99
74	CT2	11	S-04	S-1104	69,83
75	CT2	11	S-05	S-1105	69,39
76	CT2	11	S-06	S-1106	69,83
77	CT2	11	S-13	S-1113	69,99
78	CT2	11	S-14	S-1114	69,24
79	CT2	11	S-15	S-1115	69,24

STT	Tòa	Tầng	Căn hộ	Mã căn hộ	Diện tích thông thủy tạm tính (m^2)
80	CT2	11	S-16	S-1116	69,83
81	CT2	11	S-17	S-1117	69,83
82	CT2	11	S-18	S-1118	69,24
83	CT2	12	S-01	S-1201	69,24
84	CT2	12	S-02	S-1202	69,99
85	CT2	12	S-03	S-1203	69,99
86	CT2	12	S-12	S-1212	69,99
87	CT2	12	S-13	S-1213	69,99
88	CT2	12	S-14	S-1214	69,24
89	CT2	12	S-15	S-1215	69,24
90	CT2	12	S-16	S-1216	69,83
91	CT2	12	S-17	S-1217	69,83
92	CT2	12	S-18	S-1218	69,24
93	CT2	13	S-01	S-1301	69,24
94	CT2	13	S-02	S-1302	69,99
95	CT2	13	S-03	S-1303	69,99
96	CT2	13	S-04	S-1304	69,83
97	CT2	13	S-05	S-1305	69,39
98	CT2	13	S-06	S-1306	69,83
99	CT2	13	S-13	S-1313	69,99
100	CT2	13	S-15	S-1315	69,24
101	CT2	13	S-16	S-1316	69,83
102	CT2	13	S-17	S-1317	69,83
103	CT2	13	S-18	S-1318	69,24
104	CT2	14	S-01	S-1401	69,24
105	CT2	14	S-03	S-1403	69,99
106	CT2	14	S-04	S-1404	69,83
107	CT2	14	S-05	S-1405	69,39
108	CT2	14	S-06	S-1406	69,83
109	CT2	14	S-15	S-1415	69,24
110	CT2	14	S-16	S-1416	69,83
111	CT2	14	S-17	S-1417	69,83
112	CT2	14	S-18	S-1418	69,24
113	CT2	15	S-01	S-1501	69,24
114	CT2	15	S-03	S-1503	69,99
115	CT2	15	S-04	S-1504	69,83
116	CT2	15	S-05	S-1505	69,39
117	CT2	15	S-06	S-1506	69,83
118	CT2	15	S-13	S-1513	69,99
119	CT2	15	S-14	S-1514	69,24
120	CT2	15	S-15	S-1515	69,24

STT	Tòa	Tầng	Căn hộ	Mã căn hộ	Diện tích thông thủy tạm tính (m^2)
121	CT2	15	S-16	S-1516	69,83
122	CT2	15	S-17	S-1517	69,83
123	CT2	15	S-18	S-1518	69,24
124	CT2	16	S-01	S-1601	69,24
125	CT2	16	S-02	S-1602	69,99
126	CT2	16	S-03	S-1603	69,99
127	CT2	16	S-04	S-1604	69,83
128	CT2	16	S-05	S-1605	69,39
129	CT2	16	S-06	S-1606	69,83
130	CT2	16	S-07	S-1607	69,83
131	CT2	16	S-08	S-1608	69,83
132	CT2	16	S-09	S-1609	69,83
133	CT2	16	S-10	S-1610	69,39
134	CT2	16	S-11	S-1611	69,83
135	CT2	16	S-12	S-1612	69,99
136	CT2	16	S-13	S-1613	69,99
137	CT2	16	S-18	S-1618	69,24
138	CT2	17	S-01	S-1701	69,24
139	CT2	17	S-02	S-1702	69,99
140	CT2	17	S-04	S-1704	69,83
141	CT2	17	S-05	S-1705	69,39
142	CT2	17	S-06	S-1706	69,83
143	CT2	17	S-13	S-1713	69,99
144	CT2	17	S-14	S-1714	69,24
145	CT2	17	S-15	S-1715	69,24
146	CT2	17	S-16	S-1716	69,83
147	CT2	17	S-17	S-1717	69,83
148	CT2	17	S-18	S-1718	69,24
149	CT2	18	S-03	S-1803	69,99
150	CT2	18	S-04	S-1804	69,83
151	CT2	18	S-05	S-1805	69,39
152	CT2	18	S-06	S-1806	69,83
153	CT2	18	S-14	S-1814	69,24
154	CT2	18	S-15	S-1815	69,24
155	CT2	18	S-16	S-1816	69,83
156	CT2	18	S-17	S-1817	69,83
157	CT2	18	S-18	S-1818	69,24
158	CT2	19	S-01	S-1901	69,24
159	CT2	19	S-04	S-1904	69,83
160	CT2	19	S-05	S-1905	69,39
161	CT2	19	S-06	S-1906	69,83

STT	Tòa	Tầng	Căn hộ	Mã căn hộ	Diện tích thông thủy tạm tính (m^2)
162	CT2	20	S-17	S-2017	69,83
163	CT2	20	S-18	S-2018	69,24
164	CT2	21	S-01	S-2101	69,24
165	CT2	21	S-03	S-2103	69,99
166	CT2	21	S-04	S-2104	69,83
167	CT2	21	S-05	S-2105	69,39
168	CT2	21	S-13	S-2113	69,99
169	CT2	21	S-14	S-2114	69,24
170	CT2	21	S-15	S-2115	69,24
171	CT2	21	S-17	S-2117	69,83
172	CT2	21	S-18	S-2118	69,24
173	CT2	22	S-03	S-2203	69,99
174	CT2	22	S-04	S-2204	69,83
175	CT2	22	S-05	S-2205	69,39
176	CT2	22	S-06	S-2206	69,83
177	CT2	22	S-13	S-2213	69,99
178	CT2	22	S-14	S-2214	69,24
179	CT2	22	S-15	S-2215	69,24
180	CT2	22	S-16	S-2216	69,83
181	CT2	22	S-18	S-2218	69,24
182	CT2	23	S-01	S-2301	69,24
183	CT2	23	S-02	S-2302	69,99
184	CT2	23	S-03	S-2303	69,99
185	CT2	23	S-04	S-2304	69,83
186	CT2	23	S-05	S-2305	69,39
187	CT2	23	S-06	S-2306	69,83
188	CT2	23	S-13	S-2313	69,99
189	CT2	23	S-14	S-2314	69,24
190	CT2	23	S-15	S-2315	69,24
191	CT2	23	S-16	S-2316	69,83
192	CT2	23	S-17	S-2317	69,83
193	CT2	23	S-18	S-2318	69,24
194	CT2	24	S-01	S-2401	69,24
195	CT2	24	S-02	S-2402	69,99
196	CT2	24	S-03	S-2403	69,99
197	CT2	24	S-04	S-2404	69,83
198	CT2	24	S-05	S-2405	69,39
199	CT2	24	S-06	S-2406	69,83
200	CT2	24	S-13	S-2413	69,99
201	CT2	24	S-14	S-2414	69,24
202	CT2	24	S-15	S-2415	69,24

STT	Tòa	Tầng	Căn hộ	Mã căn hộ	Diện tích thông thủy tạm tính (m^2)
203	CT2	24	S-16	S-2416	69,83
204	CT2	24	S-17	S-2417	69,83
205	CT2	24	S-18	S-2418	69,24
206	CT2	25	S-01	S-2501	69,24
207	CT2	25	S-03	S-2503	69,99
208	CT2	25	S-04	S-2504	69,83
209	CT2	25	S-05	S-2505	69,39
210	CT2	25	S-06	S-2506	69,83
211	CT2	25	S-14	S-2514	69,24
212	CT2	25	S-15	S-2515	69,24
213	CT2	25	S-16	S-2516	69,83
214	CT2	25	S-17	S-2517	69,83
215	CT2	25	S-18	S-2518	69,24
216	CT2	26	S-03	S-2603	69,99
217	CT2	26	S-04	S-2604	69,83
218	CT2	26	S-05	S-2605	69,39
219	CT2	26	S-06	S-2606	69,83
220	CT2	26	S-13	S-2613	69,99
221	CT2	26	S-14	S-2614	69,24
222	CT2	26	S-15	S-2615	69,24
223	CT2	26	S-16	S-2616	69,83
224	CT2	26	S-17	S-2617	69,83
225	CT2	26	S-18	S-2618	69,24
226	CT2	27	S-01	S-2701	69,24
227	CT2	27	S-02	S-2702	69,99
228	CT2	27	S-03	S-2703	69,99
229	CT2	27	S-04	S-2704	69,83
230	CT2	27	S-05	S-2705	69,39
231	CT2	27	S-06	S-2706	69,83
232	CT2	27	S-13	S-2713	69,99
233	CT2	27	S-14	S-2714	69,24
234	CT2	27	S-15	S-2715	69,24
235	CT2	27	S-16	S-2716	69,83
236	CT2	27	S-17	S-2717	69,83
237	CT4	27	S-18	S-2718	69,24
238	CT4	28	S-01	S-2801	69,24
239	CT4	28	S-02	S-2802	69,99
240	CT4	28	S-03	S-2803	69,99
241	CT4	28	S-04	S-2804	69,83
242	CT4	28	S-05	S-2805	69,39
243	CT4	28	S-13	S-2813	69,99

STT	Tòa	Tầng	Căn hộ	Mã căn hộ	Diện tích thông thủy tạm tính (m^2)
244	CT4	28	S-06	S-2806	69,83
245	CT4	28	S-14	S-2814	69,24
246	CT4	28	S-15	S-2815	69,24
247	CT4	28	S-16	S-2816	69,83
248	CT4	28	S-17	S-2817	69,83
249	CT4	29	S-01	S-2901	69,24
250	CT4	29	S-01	S-2902	69,99
251	CT4	28	S-18	S-2818	69,24
252	CT4	29	S-03	S-2903	69,83
253	CT4	29	S-04	S-2904	69,39
254	CT4	29	S-05	S-2905	69,83
255	CT4	29	S-12	S-2912	69,99
256	CT4	29	S-14	S-2914	69,24
257	CT4	29	S-15	S-2915	69,83
258	CT4	29	S-16	S-2916	69,83
259	CT4	29	S-17	S-2917	69,24